

Bản án số: 334/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 24/6/2024

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Dương Phúc Trường

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Đức Nhì

2. Bà Lê Thị Phước Mãng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh:**  
Không tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 193/2024/TLST-HNGĐ ngày 23/4/2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/6/2024 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Phạm Văn C, sinh năm 1956

Địa chỉ thường trú: 743/5 Hồng Bàng, Phường a, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

**- Bị đơn:** Bà Võ Thị V, sinh năm 1958

Địa chỉ thường trú: 743/5 Hồng Bàng, Phường a, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Phạm Văn C trình bày:*

Ông và bà Võ Thị V tự nguyện chung sống từ năm 1977, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 185/1977 ngày 29/4/1977. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại nhà của chị gái ông C ở Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh cho đến nay. Đến tháng 02/2021 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bà V thường xuyên đi công tác, ông C có tìm hiểu đi công tác ở đâu và đi với ai nhưng không được bà V chia sẻ, từ đó vợ chồng thường xuyên gây cãi nhau, hai bên không còn tin tưởng, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 02/2021 cho đến nay, hiện nay ông C xác định không còn tình cảm với bà

V nữa, hai bên có đời sống độc lập, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, ông C yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn bà Võ Thị V.

Về con chung: Ông và bà Võ Thị V có với nhau 02 con chung tên Phạm Võ T, sinh ngày 30/5/1979 và Phạm Hồng T1, sinh ngày 03/01/1985. Hiện nay 02 con chung đều đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn ông Phạm Văn C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Phía bị đơn bà Võ Thị V đã được Tòa án triệu tập đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải nhưng cố tình vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án bà Võ Thị V có trình bày ý kiến tại bản tự khai ngày 17/5/2024 như sau: Do kinh tế gia đình gặp khó khăn từ sau dịch bệnh Covid-19, bà thường xuyên phải đi ra Bắc – vào Nam để mua bán, vận chuyển nông sản kiếm tiền, bà vẫn về nhà khi cần thiết nhưng ông C không thông cảm mà còn không tin tưởng dẫn đến vợ chồng thường xuyên gây cãi nhau. Nay bà xác định giữa bà và ông C không còn phù hợp để cùng nhau xây dựng gia đình và đồng ý trước yêu cầu xin ly hôn của ông C. Bà V không có tranh chấp gì và xin được xét xử vắng mặt trong vụ án ly hôn.

Về con chung: Bà Võ Thị V và ông Phạm Văn C có với nhau 02 con chung tên Phạm Võ T, sinh ngày 30/5/1979 và Phạm Hồng T1, sinh ngày 03/01/1985. Hiện nay 02 con chung đều đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh có Công văn số 34/CV-VKS-HNGĐ ngày 18/6/2024 về việc không tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Hình thức, nội dung đơn yêu cầu ly hôn của ông Phạm Văn C thực hiện đúng quy định tại Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn ông Phạm Văn C đối với bị đơn bà Võ Thị V có nơi cư trú tại Quận 6 nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3] Về việc xét xử vắng mặt đương sự:

Nguyên đơn ông Phạm Văn C và bị đơn bà Võ Thị V đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] Quan hệ hôn nhân giữa Phạm Văn C và bà Võ Thị V có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đúng theo quy định là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[5] Về yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn:

Phía nguyên đơn ông Phạm Văn C trình bày mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu phát sinh từ năm 2021 do ông nhận thấy vợ chồng không còn tin tưởng, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nữa, hai bên thường xuyên gây cãi dẫn đến bất hòa về mọi mặt. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 02/2021 cho đến nay. Nay ông C xác định không còn tình cảm với bà V, yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà V.

Phía bị đơn bà Võ Thị V có ý kiến xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn do ông C không tin tưởng bà, trong khi bà phải vất vả đi làm kiếm tiền dẫn đến vợ chồng thường xuyên gây cãi nhau. Nay bà V đồng ý trước yêu cầu xin ly hôn của ông C để sớm ổn định cuộc sống riêng.

Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau...*” nhưng qua lời trình bày của ông C và bà V thì Hội đồng xét xử xét thấy vợ chồng ông bà đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do không tìm được tiếng nói chung, không hòa hợp nhau về mọi mặt, không có sự yêu thương, quan tâm, chăm sóc và tin tưởng lẫn nhau và trong quá trình giải quyết vụ án bà V có ý kiến đồng ý trước yêu cầu ly hôn của ông C. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng của ông C và bà V đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Văn C được ly hôn đối với bà Võ Thị V là có cơ sở.

[6] Về con chung: Ông Phạm Văn C và bà Võ Thị V có với nhau 02 con chung tên Phạm Võ T, sinh ngày 30/5/1979 và Phạm Hồng T1, sinh ngày 03/01/1985. Các con chung đều đã thành niên nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Phạm Văn C và bà Võ Thị V khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về quyền kháng cáo: Ông Phạm Văn C và bà Võ Thị V được quyền quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phạm Văn C là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 2 Luật Người cao tuổi năm 2009 và Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Võ Thị V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 189, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Văn C được ly hôn với bà Võ Thị V.

Giấy chứng nhận kết hôn số 187/1977 do Ủy ban nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Phạm Văn C và bà Võ Thị V ngày 29/4/1977 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Ông Phạm Văn C và bà Võ Thị V có với nhau 02 con chung tên Phạm Võ T, sinh ngày 30/5/1979 và Phạm Hồng T1, sinh ngày 03/01/1985. Các con chung đều đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Phạm Văn C và bà Võ Thị V xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Văn C được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại địa phương. Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Quận 6;
- CCTHADS Quận 6;
- Ủy ban nhân dân Quận 6;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Dương Phúc Trường**